ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20489 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án ĐT.837B đoạn còn lại

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ĐT.837B đoạn còn lại; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án ĐT.837B đoạn còn lại;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 18072/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án ĐT.837B đoạn còn lại;

Căn cứ Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công công việc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ văn bản số 163/UBND-KTTC ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án dời lộ trình đầu tư từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 13502/TTr-SXD ngày 26 tháng 10 năm 2026 và Công văn thẩm định số 13282/SXD-TĐPTGT ngày 21 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án ĐT.837B đoạn còn lại với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: ĐT.837B đoạn còn lại.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 08 năm; thời hạn sử dụng đối với các công trình khác theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế áp dụng.

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Hậu Thạnh, xã Vĩnh Châu và xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Tây Ninh.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Giao thông tỉnh Tây Ninh.

7. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Tam Kiệt, mã số doanh nghiệp: 0312150258.

8. Mục tiêu dự án:

Nhựa hóa phần còn lại tuyến ĐT.837B, để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, giảm bớt khó khăn trong việc đi lại của người dân trong khu vực, nâng cao mức độ an toàn giao thông, giảm ô nhiễm môi trường, phù hợp với nguyện vọng của cử tri trong thời gian qua.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô đầu tư:

- Đoạn tuyến chính (từ đầu tuyến (Km16+184,70) đến Km27+133,56 và đoạn từ Km35+174,43 đến cuối tuyến (Km57+651,80)): nâng cấp, mở rộng mặt đường với vận tốc thiết kế Vtk=30 km/h theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005, đường cấp VI đồng bằng; mặt cắt ngang 01 làn xe với Bm/Bn=3,50 m/6,50 m; tải trọng thiết kế đường: trục đơn 10T (100 kN); modul đàn hồi yêu cầu: Eyc ≥ 100 Mpa.

- Đoạn tuyến nhánh (Từ Km27+133,56 đến Km35+174,43 trừ đoạn Km29+694,43 đến Km30+218,98 dài khoảng 500 m, hiện trạng mặt đường bê tông xi măng rộng 5,50 m): nâng cấp, mở rộng mặt đường với vận tốc thiết kế Vtk=20 km/h theo TCVN 10380:2014/TCĐBVN, đường giao thông nông thôn đạt tối thiểu cấp B; mặt cắt ngang 01 làn xe với Bm/Bn=3,50 m/5,50 m; tải trọng thiết kế đường: trục đơn 10T (100 kN); modul đàn hồi yêu cầu: Eyc ≥ 100 Mpa.

9.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

a. Bình đồ:

- Tuyến chính:

+ Điểm đầu: Km16+184,70, xã Hậu Thạnh;

+ Điểm cuối: Giao ĐT.831, xã Vĩnh Thạnh;

+ Chiều dài đoạn tuyến chính khoảng: 33.427 m.

- Tuyến nhánh (trừ đoạn Km29+694,43 đến Km30+218,98 dài khoảng 500 m, hiện trạng mặt đường bê tông xi măng rộng 5,50 m):

+ Điểm đầu: Km27+133,56, xã Vĩnh Châu;

+ Điểm cuối: Km35+174,43, xã Vĩnh Châu;

+ Chiều dài đoạn tuyến nhánh khoảng: 7.516 m.

- Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng: 40.943 m.

- Hướng tuyến bám theo đường hiện hữu. Nền đường mở rộng về bên phải tuyến. Riêng đoạn từ Km30+218,98 ÷ Km35+174,43: nền đường mở rộng về bên trái tuyến.

- Các thông số kỹ thuật về đường cong đứng, đường cong nằm và dốc dọc đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch của ĐT.837B (đường cấp IV). Riêng tại các vị trí không đảm bảo sẽ quy hoạch tuyến mới và đầu tư ở dự án khác.

- Giao cắt: Các vị trí giao cắt với các đường hiện hữu trong khu vực có dạng giao bằng, thiết kế vuốt nối cao độ để tạo êm thuận cho xe lưu thông, bán kính vuốt nối tại các nhánh rẽ bám theo hiện trạng.

b. Mặt cắt dọc: Trắc dọc đảm bảo êm thuận cho xe chạy và tạo vẻ mỹ quan cho công trình. Thiết kế mặt cắt dọc hài hòa với môi trường xung quanh, hạn chế đào sâu, đắp cao.

c. Mặt cắt ngang:

- Đoạn tuyến chính:

+ Mặt đường rộng: 3,50 m; dốc ngang 3%;

+ Lề đường gia cố rộng 0,50 m x 2bên; dốc ngang 3%;

+ Lề đường không gia cố rộng 1,00 m x 2bên; dốc ngang 4%;

+ Tổng chiều rộng nền đường 6,50 m;

+ Mái dốc taluy 1:1,50.

- Đoạn tuyến nhánh:

+ Mặt đường rộng: 3,50 m; dốc ngang 3%;

+ Lề đường gia cố rộng 0,50 m x 2bên; dốc ngang 3%;

+ Lề đường không gia cố rộng 0,50 m x 2bên; dốc ngang 4%;

+ Tổng chiều rộng nền đường 5,50 m;

+ Mái dốc taluy 1:1,50.

d. Kết cấu nền, mặt đường:

- Mặt đường mở rộng:

+ Mặt đường láng nhựa 03 lớp, tiêu chuẩn 4,50 Kg/m²;

+ Lớp móng đá 4x6 cm chèn đá dăm, chiều dày sau lu lèn 17 cm;

+ Lớp cấp phối đá dăm (Dmax=37,5 mm) dày 18 cm, K ≥ 0,98;

+ Lớp đất chọn lọc dày 50 cm, K ≥ 0,95;

+ Đào nền đường hiện hữu, lu lèn đạt K ≥ 0,90.

- Mặt đường tăng cường trên mặt đường hiện hữu:

** Kết cấu loại 1:*

+ Mặt đường láng nhựa 03 lớp, tiêu chuẩn 4,50 Kg/m²;

+ Lớp móng đá 4x6 cm chèn đá dăm, chiều dày sau lu lèn tối thiểu 15 cm;

+ Ban gạt mặt đường sỏi đỏ hiện hữu.

** Kết cấu loại 2:*

+ Mặt đường láng nhựa 03 lớp, tiêu chuẩn 4,50 Kg/m²;

+ Lớp móng đá 4x6 cm chèn đá dăm, chiều dày sau lu lèn tối thiểu 10 cm;

+ Vệ sinh mặt đường láng nhựa hiện hữu.

đ. Lề đường:

Đắp đất chọn lọc từ đất đào nền tận dụng, đầm chặt K ≥ 0,95.

e. Hệ thống cống ngang đường:

- Tận dụng, giữ nguyên hiện trạng, nối thêm cống và thay mới cửa xả phía kênh có bố trí van thủy lợi, phía ruộng thay mới cửa xả, đường kính cống Ø100 cm là cống số 1 (Km 20+577,20); cống số 2 (Km 21+664,7);

- Bơm cát lấp cống số 3 (Km22+739,75), đường kính cống Ø100 cm;

- Tận dụng, giữ nguyên hiện trạng, thay mới cửa xả phía kênh có bố trí van thủy lợi, đường kính cống Ø100 cm là cống số 4 (Km24+821,35); cống số 5 (Km25+623,95);

- Tận dụng, giữ nguyên hiện trạng, làm mới cửa xả 2 đầu cống, đường kính cống Ø40cm là cống số 6 (Km26+027,17);

- Tận dụng, giữ nguyên hiện trạng các cống tròn hiện hữu, đường kính cống Ø100cm là cống số 7 (Km27+374,04); cống số 8 (Km27+761,51); cống số 9 (Km28+035,17); cống số 10 (Km28+322,03); riêng cống số 11 (Km32+671,31) đường kính cống Ø80 cm.

g. Hệ thống cầu: giữ nguyên hiện trạng các cầu trên tuyến.

h. An toàn giao thông:

Hệ thống an toàn giao thông, vạch sơn, biển báo được bố trí theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Số bước thiết kế, danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục đính kèm. Khi các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có trong danh mục được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các đơn vị có liên quan áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn mới được ban hành.

11. Tổng mức đầu tư:

Giá trị tổng mức đầu tư dự án: **270.000.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 4.886.441.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 211.678.069.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 3.200.599.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 16.913.607.000 đồng;
- Chi phí khác: 3.601.192.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 29.720.092.000 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2026 - 2029.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng (theo Điều 44 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

Thực hiện theo quy định hiện hành.

16. Nội dung khác: Giao Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu thực hiện công tác quản lý, bảo trì tuyến nhánh ĐT.837B từ Km27+133,56 đến Km35+174,43 sau khi đầu tư láng nhựa hoàn chỉnh theo quy mô nêu tại mục 9 Điều này (theo nội dung thống nhất tiếp nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu tại Công văn số 2640/UBND-KT ngày 13 tháng 10 năm 2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh) có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này, theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng công trình; ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số 13282/SXD-TĐPTGT ngày 21 tháng 10 năm 2026.

2. Tổng mức đầu tư được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện dự án.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn để thực hiện và hoàn thành dự án theo tiến độ được phê duyệt.

4. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và toàn bộ kết quả thẩm định dự án và nguồn vốn thực hiện, đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5. Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản hạ tầng đường bộ sau khi đầu tư hoàn chỉnh tuyến nhánh ĐT.837B đoạn từ Km27+133,56 đến Km35+174,43 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch UBND các xã: Hậu Thạnh, Vĩnh Châu, Vĩnh Thạnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Duy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm

PHỤ LỤC:

Danh mục tiêu chuẩn dự kiến áp dụng cho Dự án: ĐT.837B đoạn còn lại

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
I	**Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát, thí nghiệm**	
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
3	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
4	Khảo sát xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
5	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
6	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
7	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
8	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
9	Đất xây dựng - PP thử nghiệm hiện trường, Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
10	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
11	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
12	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012; TCVN 4197:2012; TCVN 4198:2014; TCVN 4199:1995; TCVN 4200:2012; TCVN 4202:2012
13	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và có kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
14	Công trình thủy lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
15	Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5746:2024

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
16	Các tiêu chuẩn thí nghiệm phân tích thành phần hóa học mẫu nước	TCVN 6656:2000; TCVN 6492:2011; TCVN 6179:1996; TCVN 6224:1996
17	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
18	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
19	Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phân loại đất	TCVN 14183:2024
20	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012
21	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
22	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
23	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
II	**Tiêu chuẩn chính áp dụng cho công tác thiết kế - thi công đường**	
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
2	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
3	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
4	Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2023
5	Tiêu chuẩn thực hành đất và các vật liệu đắp khác có gia cường (Code of practice for strengthened/reinforced soils and other fills, British Standard)	BS 8006-1:2010
6	Thi công trên đường bộ đang khai thác - Tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ	TCVN 14661:2026

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
7	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 3: Hỗn hợp nhựa bán rỗng	TCVN 13567-3: 2022
8	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 5: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô	TCVN 13567-5:2024
9	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 7: Hỗn hợp cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng	TCVN 13567-7:2025
10	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa rỗng thoát nước - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCVN 13048:2024
11	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
12	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
13	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
14	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858:2023
15	Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8857:2011
16	Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2025
17	Áo đường mềm - xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861 : 2011
18	Áo đường mềm - xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867 : 2025
19	Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu	TCCS 37:2022/TCĐBVN
20	Gia cố nền đất yếu - phương pháp gia cố toàn khối	TCVN 11832:2017

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
21	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa chất hoặc gia cố tổng hợp, sử dụng trong xây dựng đường - bộ thi công và nghiệm thu	TCVN 10379-2014
22	Đất dùng trong xây dựng - Phương pháp thử	TCVN 14134:2024
23	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
24	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335:2014
25	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821 : 2011
26	Mặt đường ô tô - xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864 : 2011
27	Mặt đường ô tô - phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865 : 2011
28	Bitum - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493÷7499:2005; TCVN 7500:2023; TCVN 7501÷7504:2005
29	Hỗn hợp nhựa - Phương pháp thử vệt hằn bánh xe	TCVN 13899:2023
30	Nhũ tương nhựa đường axit thấm bám (EAP) - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu	TCVN 14270:2024
31	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
32	Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế	TCVN 8419:2022
33	Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế công trình	TCVN 13615:2022
34	Nhũ tương nhựa đường kềm - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 13506:2022
35	Phương pháp xác định độ nhớt nhũ tương nhựa đường bằng nhớt kế cánh khuấy quay	TCVN 13507:2022

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
36	Mặt đường ô tô - Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lắc Anh	TCVN 10271:2014
37	Nhựa đường - Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11711:2017
38	Hỗn hợp cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng sử dụng trong kết cấu áo đường - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCCS 26:2019/TCĐBVN
39	Mặt đường đá dăm thấm nhập nhựa nóng - thi công và nghiệm thu	TCVN 8809:2011
40	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012
41	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12584:2019
42	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12585:2019
43	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12586:2019
44	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
45	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Trụ dẻo phân làn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12587:2019
46	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2011
47	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ nước - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8786:2011
48	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8787:2011

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
49	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8788:2011
50	Màn phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
51	Vật liệu kẻ đường phản quang - Màu sắc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10832:2015
III	**Tiêu chuẩn chính áp dụng cho công tác thiết kế cống**	
1	Cống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
2	Thi công cầu đường bộ - phần 27: Cống bê tông	TCVN 12885-27:2020
3	Quy trình thi công và nghiệm thu cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép.	TCVN 4197:2012
4	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
5	Phân cấp kỹ thuật đường thuỷ nội địa	TCVN 5664:2009
6	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
7	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực.	TCVN 12041:2017
8	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 9343:2012
10	Đánh giá tải trọng khai thác cầu đường bộ	TCVN 12882:2020
11	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
12	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
13	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
14	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
15	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
16	Bê tông thủy công - yêu cầu kỹ thuật.	TCVN 8218:2009
17	Bê tông cường độ cao - thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014
18	Thép cốt bê tông	TCVN 1651-1-2:2018

STT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu tiêu chuẩn
19	Vữa xây dựng - Phương pháp thử (từ phần 1 đến phần 18)	TCVN 3121: 2022
20	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 13605:2023
21	Xi măng poóc lăng. Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 141:2023
22	Xi măng - Thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 5438:2016
23	Xi măng - Phân loại	TCVN 5439:2016
24	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252:2012
25	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
26	Bê tông - Kiểm tra đánh giá cường độ chịu nén	TCVN 10303:2025
27	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
28	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
29	Cát mịn cho bê tông và vữa	TCVN 10796:2016

Ghi chú: *Khi các tiêu chuẩn có trong danh mục nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các đơn vị có liên quan áp dụng theo các tiêu chuẩn mới được ban hành.*